

Bản án số: 242/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2022
Về việc tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thanh Hoàng;

Ông Nguyễn Chí Lin.

Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 566/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp LC, xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* ông Văn Bình T, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp LH, xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(bà P có mặt, ông T xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2022 và những lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Ngọc P trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Văn Bình T chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào năm 2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T không chăm lo làm ăn và không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên bà và ông T ly thân nhau từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Văn Bình T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà P xác định có 02 con chung là Văn Ngọc L, sinh ngày 07/9/2006 và Văn Khánh Đ, sinh ngày 22/9/2008. Khi ly hôn bà P đồng ý giao hai con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Văn Bình T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo bản tự khai của ông T đã trình bày như sau: ông thống nhất theo lời trình bày của bà P về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc P.

Khi ly hôn, ông xin được nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc P nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” là những tranh chấp quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Văn Bình T có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Nguyễn Ngọc P khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Văn Bình T nên bà P được xác định là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ xét xử vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.3]. Về xét xử vắng mặt: ông Văn Bình T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[1.4]. Về chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà Nguyễn Ngọc P xác định bà và ông T kết hôn vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào năm 2007 nên hôn nhân giữa bà P và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tình trạng hôn nhân: xét hôn nhân giữa bà P và ông T trên cơ sở tự nguyện, bà P xác định cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc nhưng từ tháng 01 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn nên bà P xin ly hôn ông T. Đối với ông T, mặc dù ông vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông có văn bản đồng ý ly hôn với bà P nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P và ông T được ly hôn.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà P và ông T xác định có 02 con chung là Văn Ngọc L, sinh ngày 07/9/2006 và Văn Khánh Đ, sinh ngày 22/9/2008 (hiện do ông T nuôi dưỡng), tại phiên tòa bà P xác định đồng ý giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời tại văn bản trình bày ý kiến của Ngọc L và Khánh Đ đều có nguyện vọng sống với ông T khi bà P và ông T ly hôn với nhau. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung tên Ngọc L và Khánh Đ cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, bà P không cấp dưỡng nuôi con chung và ông T cũng không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung: Bà P và ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[2.4.] Về nợ chung: Bà P và ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc P về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” đối với ông Văn Bình T.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Ngọc P được ly hôn với ông Văn Bình T.

Về con chung: ông Văn Bình T được trực tiếp nuôi con chung là Văn Ngọc L, sinh ngày 07/9/2006 và Văn Khánh Đ, sinh ngày 22/9/2008 (hiện do ông T nuôi dưỡng), bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông T không có yêu cầu.

Bà P được quyền tới lui thăm non và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể xin thay đổi tình trạng nuôi con và khoản cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà P và ông T xác định không có

Về nợ chung: bà P và ông T xác định không có

2. Về án phí: bà Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006798 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà P không phải nộp tiếp.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đức Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Tài